

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TKD24B1**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH02073**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Giáo dục QP - An ninh**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2453403020036	Nguyễn Quốc	An	14/05/2003			7	6.8	10.0		8.0		8.0
2	2453403020037	Trần Thái	An	13/05/2009			5.5	6.8	8.4		8.0		7.7
3	2453403020038	Đào Thị Mỹ	Anh	06/07/2009			8	6.8	9.0		8.5		8.3
4	2453403020039	Lê Ngọc Trâm	Anh	15/10/2009			9	8.0	9.2		6.3		7.3
5	2453403020040	Trần Thị Kim	Anh	07/12/2009			5.5	4.8	9.8		6.3		6.6
6	2453403020041	Trương Quỳnh	Anh	12/05/2009			7	6.3	4.4		6.3		6.1
7	2453403020042	Phạm Thế	Bảo	14/12/2009			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
8	2453403020043	Trần Ngọc Minh	Châu	27/03/2009			7	7.5	10.0		8.5		8.5
9	2453403020044	Huỳnh Trang Khánh	Chi	15/05/2009			6.5	6.5	7.8		7.0		7.0
10	2453403020045	Trần Hữu	Duy	02/05/2009			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
11	2453403020046	Trần Thị Ngọc	Hân	18/10/2009			9.5	6.3	9.8		0.0		3.3
12	2453403020047	Nguyễn Huỳnh Kiến	Huy	28/11/2009			9	7.3	6.0		6.0		6.4
13	2453403020048	Nguyễn Thị Quế	Hương	08/03/2009			4	5.8	7.4		9.3		8.0
14	2453403020049	Do Roh Mane Rid	Hwan	06/02/2009			9.5	6.5	9.0		6.8		7.3
15	2453403020050	Trần Hoàng Phúc	Khải	01/07/2009			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
16	2453403020051	Đỗ Đăng	Khoa	23/11/2009			6.5	5.0	6.6		6.5		6.3
17	2453403020052	Ngô Tuấn	Kiệt	18/09/2009			4	6.8	10.0		7.3		7.4
18	2453403020053	Dương Thiên	Kim	16/11/2009			5	7.8	9.6		8.3		8.2
19	2453403020054	Nguyễn Thị Ngọc	Mỹ	16/11/2009			5.5	7.8	8.0		7.8		7.6
20	2453403020055	Nguyễn Ngọc Xuân	Nghi	10/09/2009			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
21	2453403020056	Lưu Hồng	Ngọc	27/06/2009			8	7.3	6.2		9.3		8.4
22	2453403020057	Tô Kim	Ngọc	24/09/2009			5	9.8	8.4		9.5		9.0
23	2453403020058	Lê Thị Thảo	Nguyên	16/02/2009			7	8.0	10.0		6.3		7.2
24	2453403020059	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	01/08/2009			10	9.5	10.0		7.0		8.1
25	2453403020060	Trần Thị Ý	Nhi	01/12/2009			6.5	8.8	9.8		5.8		7.0
26	2453403020061	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	04/11/2009			7	7.0	5.0		5.5		5.8
27	2453403020062	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	13/08/2009			8	8.8	8.0		9.5		9.0
28	2453403020063	Nguyễn Tỷ	Phú	15/04/2009			5	3.5	9.6		7.0		6.7
29	2453403020064	Nguyễn Hoàng	Phúc	31/08/2009			6	6.0	10.0		6.3		6.8
30	2453403020065	Nguyễn Ngọc Phát	Tài	08/08/2008			8.5	10.0	9.8		9.5		9.5
31	2453403020066	Nguyễn Thị Kim	Tho	26/02/2009			8	7.8	7.6		6.0		6.7
32	2453403020067	Trần Nguyễn Phước	Toàn	06/01/2009			8.5	6.8	10.0		6.8		7.4
33	2453403020068	Hứa Thị Cẩm	Tú	06/03/2009			5.5	6.0	7.6		6.0		6.2
34	2453403020069	Lê Ngọc Thảo	Vân	02/09/2009			6.5	5.3	8.6		5.0		5.7
35	2453403020070	Phạm Hồ Khánh	Vân	14/09/2009			6	6.0	5.6		6.8		6.4
36	2453403020071	Nguyễn Thị Thùy	Vương	16/01/2009			4	5.5	6.0		7.3		6.5

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
37	2453403020072	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	27/08/2009				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
38	2453403020073	Nguyễn Thị Ngọc Yến	29/10/2009				7	5.5	6.2			5.0		5.4

Châu Đốc, ngày 7 tháng 2 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Thanh Sang